

Bản án số: 900/2024/HC-PT
Ngày: 23/8/2024
V/v khiếu kiện quyết định xử phạt vi
phạm hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 364/2024/TLPT-HC ngày 10/4/2024, về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2361/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Kim L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp C, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Kim L: Ông Nghiêm Nam H, sinh năm 1969; Địa chỉ: I Đ, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2024, có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K; Địa chỉ: F N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh N; Chức vụ: Phó Chủ tịch (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lu Thị Trang Đ; Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã D; Địa chỉ Ấp C, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Kim L là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Kim L và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Anh V trình bày:

Bà Trần Kim L có diện tích 10.160,6m² tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, đất có nguồn gốc do gia đình bà L khai khẩn sử dụng từ năm 1999, nằm tiếp giáp phía sau diện tích 250m² nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Ú. Hiện trạng trên đất có 05 gian nhà gạch, chuồng trại chăn nuôi, 01 ao nuôi cá và hàng trăm cây ăn quả các loại được trồng lâu năm đang cho thu hoạch, có tường bao xung quanh.

Quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, liên tục từ thời điểm đó cho đến nay, không có tranh chấp, có đăng ký kê khai sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ngày 13/10/2022, Ủy ban nhân dân (UBND) xã D, thành phố P tiến hành đo đạc, lập Biên bản đo đạc, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của bà L đang sử dụng và lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 85/BB-VPHC đối với bà L với “hành vi chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn diện tích 10.160,6m² đất do UBND xã D quản lý”.

Ngày 02/11/2022 bà L nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2643/QĐ-XPHC ngày 26/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh K xử phạt bà L số tiền 85.000.000 đồng, đồng thời buộc bà L khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích 10.160,6m² đất đã chiếm tại ấp S, xã D, thành phố P do UBND xã D đang quản lý.

Bà L cho rằng, việc xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh K là không khách quan, thiếu cơ sở, chưa phù hợp với quy định của pháp luật vì bà L đã có quá trình sử dụng đất ổn định, có nhà cửa, công trình, thành quả trên đất.

Bà L yêu cầu giải quyết hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2643/QĐ-XPHC ngày 26/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Tại văn bản số 1149/UBND-NC ngày 22 tháng 6 năm 2023, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K trình bày:

Bà Trần Kim L khởi kiện cho rằng diện tích 10.160,6m² đất tại ấp S, xã D, thành phố P mà Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2643/QĐ-XPHC ngày 26/10/2022 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L, diện tích đất này có nguồn gốc một phần là do gia đình bà khai khẩn, sử dụng từ năm 1999 và một phần do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Ú; gia đình bà L sử dụng ổn định từ trước đến nay, đã đăng ký kê khai sử dụng đất tại cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền là không đúng, mâu thuẫn nhau và không có cơ sở chấp nhận, cụ thể:

- Tại Biên bản làm việc ngày 13/10/2022 do UBND xã D lập thể hiện ý kiến bà Trần Kim L trình bày nội dung: *“Diện tích đất 10.160,6m² chồng tôi là ông Phù Chí H1 khai khẩn năm 2005 trồng tràm bông vàng, đến năm 2012 nhà tôi bị giải tỏa đất ở sân bay D, P và do gia đình nhiều nhân khẩu vì vậy năm 2012 tôi mua lại của ông Nguyễn Văn Ú diện tích 250m² (đất ông Ú được nhà nước cấp) vị trí đất ông Ú bán cho tôi giáp ranh diện tích 10.160,6m², cùng năm 2012 tôi cất nhà để ở trên diện tích 250m², sau đó tôi tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 10.160,6m² mà chồng tôi khai khẩn năm 2005 để trồng hoa màu và cây ăn trái. Đến năm 2015 tôi cất thêm 02 căn nhà trên diện tích đất tôi khai khẩn để ở theo bản vẽ đo đạc ký hiệu căn I và II, đến năm 2019 tôi tiếp tục cất thêm các căn nhà tạm còn lại, chuồng vịt và đào ao nuôi cá.*

Việc khai khẩn sử dụng và canh tác trên diện tích đất này tôi không báo cáo chính quyền địa phương và cũng không làm đơn xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền” (Bút lục số 04).

- Tại Biên bản về việc ghi lời trình bày của ông Võ Phi L1 do UBND xã D ngày 14/10/2022, ông L1 trình bày: Ông là người sinh sống và làm việc tại ấp S, xã D từ trước năm 1980 cho đến nay, nhà và đất ông đang ở cách khu đất bà L chiếm sử dụng khoảng 01km. Nguồn gốc diện tích 10.160,6m² bà L đang chiếm sử dụng nằm trong phần diện tích khoảng 04ha của UBND xã D quản lý. Hiện trạng đất trước năm 1992 là vườn đào của Tiểu đoàn 565, từ năm 1992 UBND xã D quản lý và giao lại cho Hội Cựu chiến binh xã trông coi, thu hoạch đào. Từ năm 2004 đến năm 2016 ông L1 (thành viên Hội cựu chiến binh xã) được giao trông coi, thu hoạch đào. Ông L1 khẳng định diện tích khoảng 04 ha (trong đó có 10.160,6m² đất bà L2 chiếm) từ năm 1992 đến nay do UBND xã D quản lý. Việc bà Trần Kim L vào chiếm đất cất nhà ở và trồng cây là vào thời gian từ năm 2017 cho đến nay (Bút lục số 05).

- Tại Biên bản về việc ghi lời trình bày của ông Phạm Văn Đ1 do UBND xã D ngày 14/10/2022, ông Đ1 trình bày: Ông sinh sống tại ấp S từ năm 1983 cho đến nay, nhà ông ở cách diện tích đất mà bà L chiếm khoảng 800m. Về nguồn gốc diện tích 10.160,6m² bà L đang chiếm sử dụng nằm trong phần diện tích khoảng 04 ha do UBND xã D quản lý, hiện trạng đất trước năm 1992 là đất do Tiểu đoàn 565 Quân đội quản lý trồng đào và làm nơi huấn luyện. Đến năm 1992, Tiểu đoàn 565 không quản lý thì toàn bộ diện tích đất này do UBND xã D quản lý và UBND xã giao cho Hội Cựu chiến binh trông coi và thu hoạch đào. Thời điểm bà L vào chiếm sử dụng là từ năm 2017-2018 cho đến nay (Bút lục số 06).

- Tại Sổ mục kê đất đai của UBND xã D thể hiện nguồn gốc 47.953,2m² (trong đó có 10.160,6m² đất bà L2 chiếm) là đất của Hội Cựu Chiến binh (Bút lục số 09).

- Tại số thứ tự thứ 13 của Danh sách đất công do xã đang quản lý trên địa bàn xã D thể hiện diện tích đất mà UBND xã D quản lý (trong đó có 10.160,6m² đất bà L2 chiếm) có nguồn gốc: “*Đã có từ trước (do H2 Cựu chiến binh được giao trồng cây). Hiện đã lập phương án bồi thường cây trồng cho Hội Cựu chiến binh năm 2010*” (Bút lục số 10).

Từ đó, việc UBND xã D lập Biên bản đo đạc, kiểm tra hiện trạng thực tế thửa đất do bà Trần Kim L thừa nhận đang quản lý, canh tác và chỉ ranh đo đạc lập ngày 13/10/2022 và lập Biên bản vi phạm hành chính số 85/BB-VPHC ngày 13/10/2022 thể hiện bà Trần Kim L thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 10.160,6m² thuộc ấp S, xã D, thành phố P, đất do UBND xã D quản lý theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP đúng quy định của pháp luật (Bút lục số 02-03).

Vì vậy, việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2643/QĐ-XPHC ngày 26/10/2022 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Kim L là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã D*: Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không tham gia, không có ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 09/01/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 38, 58, 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí hậu thủy văn; đo đạc bản đồ;

Căn cứ Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim L, về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2643/QĐ-XPHC ngày 26/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đối với bà L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/01/2024, bà Trần Kim L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2643/QĐ-XPHC ngày 26/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nghiêm Nam H là người đại diện hợp pháp của bà Trần Kim L không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông Nghiêm Nam H:

Biên bản vi phạm hành chính số 85 ngày 13/10/2022 xác định bà L có vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nhưng không xác định được trước hay sau ngày 01/7/2014. Vì theo Nghị định số 91/NĐ-CP thì có 02 trường hợp xảy ra, nếu vi phạm xảy ra sau ngày 01/7/2014 thì buộc phải trả lại đất cho Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91; nếu vi phạm xảy ra trước ngày 01/7/2014 thì phải buộc người vi phạm đăng ký đất đai và xin cấp giấy chứng nhận theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91. Do đó, Quyết định số 2643 cũng áp dụng Điều 14 mà không chỉ ra thời điểm vi phạm là không đúng pháp luật.

Biên bản số 85 phần đầu không ghi tên ông Huỳnh Văn N1-Phó Chủ tịch UBND xã D và ông Huỳnh Viễn P nhưng phần sau thì có đầy đủ chữ ký của hai ông này.

Nhiều người dân sống lâu năm tại địa phương xác định bà L sinh sống tại đây từ trước ngày 01/7/2014; đồng thời các biên lai mua bán điện giữa bà L và Công ty Đ2 cũng thể hiện điều này.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Trường hợp nếu thấy chưa đủ căn cứ để sửa bản án sơ thẩm, thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

2. Bà Lư Thị Trang Đ:

Thừa nhận Biên bản số 85 có thiếu sót khi không ghi tên của ông Huỳnh Viễn P là Phó Chủ tịch UBND xã, nhưng quan trọng là có chữ ký của bà L là người vi phạm.

Về nguyên tắc là vi phạm được phát hiện tại thời điểm nào thì được lập biên bản tại thời điểm đó nên biên bản số 85 không thể hiện thời điểm bà L bắt đầu vi phạm từ thời điểm nào.

Bà L khai sau khi giải toả nhà ở sân bay thì vào mua hơn 10.000m² đất của ông Ú và sử dụng đến bây giờ. Nhưng giấy mua bán đất giữa bà L và ông Ú

ghi ngày 20/11/2016. Như vậy có căn cứ xác định bà L sử dụng đất xác định bà L sử dụng đất sau 01/7/2014.

Các tài liệu chứng cứ như sổ mục kê, bản đồ địa chính, danh sách quản lý đất công đều thể hiện từ năm 1992 đến năm 2016 đều do Nhà nước quản lý.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà L làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Quyết định số 2643 được ban hành đúng trình tự thủ tục, có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trần Kim L làm trong hạn luật định. Bà L sinh năm 1961 là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của bà L đủ điều kiện đệ thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chủ tịch UBND tỉnh K tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện, UBND xã D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, những người này đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 2643/QĐ-XPVP của Chủ tịch UBND tỉnh K được ban hành ngày 26/10/2022, có nội dung xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính. Bà L khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nêu trên vào ngày 07/02/2023. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của bà L, Biên bản vi phạm hành chính số 85/BB-VPHC và Quyết định số 2643/QĐ-XPVP, nhận thấy:

[4.1] Đối với Biên bản vi phạm hành chính số 85/BB-VPHC: Biên bản này được Công chức địa chính thuộc UBND xã D ngày 13/10/2022 đối với bà L về hành vi chiếm đất nông nghiệp “đất trồng cây lâu năm” khi đang thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc quản lý sử dụng đất đai, trật tự xây dựng trên địa bàn xã D là thực hiện đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng quy định tại Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Phần đầu của biên bản này không ghi họ tên người chứng kiến là có thiếu sót nhưng phần cuối của biên bản có chữ ký của các thành viên và quan trọng là bà L có ký vào biên bản này. Do đó, biên bản này là hợp pháp và là cơ sở cho việc xử lý vi phạm hành chính của bà L.

[4.2] Đối với Quyết định số 2643/QĐ-XPVP, nhận thấy:

[4.2.1] Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 38, Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[4.2.2] Văn bản số 553/UBND-NCPC ngày 29/6/2022 của UBND thành phố P trả lời theo Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 26/5/2022 của UBND xã D đề nghị xác định loại đất, đây là văn bản trao đổi nghiệp vụ giữa nội bộ các cơ quan với nhau về việc xác định loại đất để xử lý vi phạm hành chính, không có nội dung nào nói đến hành vi vi phạm hành chính của bà L, nên việc cho rằng đã phạt hiện hành vi vi phạm của bà L tại văn bản này đến ngày ra quyết định xử phạt hành chính quá thời hạn là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.2.3] Tại phiên toà phúc thẩm, ông H là người đại diện hợp pháp của bà L cho rằng Biên bản số 85/BB-VPHC và Quyết định số 2643/QĐ-XPVP không chỉ ra được thời điểm bà L có hành vi vi phạm nên không có giá trị pháp lý là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi từ điểm a đến điểm k khoản 3 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP đã liệt kê các hành vi vi phạm hành chính về đất đai, nhưng không quy định về hành vi “*lấn chiếm đất*”. Tại khoản 4 Điều 4 Nghị định 91 quy định “*Các hành vi vi phạm hành chính về đất đai quy định tại Nghị định này mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này được xác định là hành vi vi phạm đang được thực hiện*”.

[4.2.4] Căn cứ vào giấy mua bán đất giữa bà L và ông Ú có căn cứ để xác định bà L mua đất vào năm 2016. Trong quá trình tố tụng bà L xác định bắt đầu sử dụng đất từ lúc mua đất của ông Ú. Mặt khác, các tài liệu có trong hồ sơ như Sổ mục kê, Bản đồ địa chính, Danh sách quản lý đất công đều thể hiện diện tích đất mà bà L có hành vi vi phạm là đất thuộc quản lý của Nhà nước từ 1992 đến 2016. Do đó, việc ông H viện dẫn xác nhận của một số hộ dân, các hợp đồng mua bán điện để cho rằng bà L sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2014 nên thuộc điều chỉnh tại điểm b khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.2.5] Về hình thức phạt được áp dụng: Quyết định số 2643/QĐ-XPVP áp dụng hình thức phạt chính là phạt tiền 85.000.000 đồng; đồng thời buộc bà L khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là phù hợp với quy định tại Điều 23 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H là người đại diện hợp pháp của bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của bà L là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà L.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim L.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 23, khoản 3 Điều 38, khoản 2 Điều 40, Điều 58, Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 5, điểm đ khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim L, về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2643/QĐ-XPVC ngày 26/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đối với bà Trần Kim L.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Kim L.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa